TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15**/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 11/05/2020
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Chương - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Anh Đức

2. Bà Nguyễn Thị Phương Lan

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Trang - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Tô Xuân Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 05 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2019/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST - HNGĐ ngày 20/03/2020, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB - TA ngày 31/03/2020, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 01/TB - TA ngày 24/4/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Lan A - sinh năm 1994

HKTT và chỗ ở: Xóm 1, xã Y, T, Hà Nội (có mặt).

- Bị đơn: Nguyễn Tiến D – sinh năm 1990

HKTT và chỗ ở: Đội 7, xã N, T, Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện nộp cho Tòa án ngày 08/11/2019 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Lan A trình bày:***

Chị Nguyễn Lan A và anh Nguyễn Tiến D kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 07/8/2017 tại UBND xã N, T, Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại gia đình nhà chồng ở Đội 7, xã N, T, Hà

Nội được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, anh D chơi bời, không có trách nhiệm với gia đình nên chị đã về nhà mẹ đẻ chị ở Xóm 1, xã Y, T, Hà Nội để sống từ tháng 11/2017 cho đến nay. Giữa chị với anh D không liên lạc gì với nhau nữa, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Giữa chị Lan A và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh L sinh ngày 06/6/2018. Ly hôn chị Lan A yêu cầu được nuôi cháu L nhưng không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Chị Lan A hiện nay đang làm việc tại Công ty CP ĐTXD TMDV N có thu nhập bình quân 5.500.000 đồng/tháng. Sau khi ly hôn chị và cháu L sẽ về nhà mẹ đẻ chị ở và được mẹ chị giúp đỡ thêm về vật chất cũng như đưa đón cháu L đi học.

Về tài sản chung, nhà ở và công nợ chung: Anh chị không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn là anh Nguyễn Tiến D:*** Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không đến Tòa án làm việc, không có văn bản gửi Tòa án thể hiện quan điểm về việc chị Lan A xin ly hôn anh, về việc nuôi con chung cũng như tài sản chung, công nợ của hai vợ chồng.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn là chị Nguyễn Lan A vẫn giữ quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị để chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến D và giao con chung của anh chị cho chị nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Giữa chị và anh D không có tài sản chung, nhà ở và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn là anh Nguyễn Tiến D vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Chị Lan A và anh D phát sinh mâu thuẫn đã lâu, vợ chồng không còn tình cảm nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lan A để chị Lan A được ly hôn với anh D.

Về con chung: Để đảm bảo sự ổn định cuộc sống và sự phát triển tâm lý của con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung của chị Lan A và anh D cho chị L nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nhà ở và công nợ chung: Các đương sự không có nên không xem xét.

Chị Lan A phải nộp án phí LHST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng: Anh Nguyễn Tiến D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh D đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh D.

* Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Lan A và anh Nguyễn Tiến D xác lập quan hệ hôn nhân tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn ngày 07/8/2017 tại UBND xã N, huyện T, Hà Nội. Chị Lan A yêu cầu ly hôn với anh D vì theo chị chỉ sau một thời gian ngắn chung sống hai vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do anh D chơi bời, không có trách nhiệm với gia đình. Từ tháng 11/2017 chị và anh D đã sống ly thân với nhau nên chị về ở nhà mẹ đẻ chị tại xóm 1 xã Y T, Hà Nội. Vợ chồng chị không liên lạc với nhau, không còn quan tâm gì đến nhau nữa, không còn tình cảm với nhau nữa. Hội đồng xét xử xét thấy: theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lan A và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn thương yêu, tôn trọng và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Nếu duy trì hôn nhân cũng chỉ gây ức chế, căng thẳng cho các bên mà không đạt được mục đích là duy trì cuộc sống chung hoà thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Lan A với anh Nguyễn Tiến D.

* Về con chung: Chị Lan A và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh L sinh ngày 06/6/2018, đến nay chưa đủ 36 tháng tuổi. Ly hôn chị Lan A yêu cầu được nuôi cháu L, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Chị Lan A hiện nay đang làm việc tại Công ty CP ĐTXD TMDV N có thu nhập bình quân 5.500.000 đồng/tháng. Sau khi ly hôn chị và cháu L sẽ về nhà mẹ đẻ chị ở và được mẹ chị giúp đỡ thêm về vật chất cũng như đưa đón con đi học. Trên cơ sở đảm bảo quyền lợi mọi mặt, duy trì sự ổn định, phát triển của cháu Nguyễn Khánh L, Hội đồng xét xử căn cứ điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình giao con chung của chị Lan A và anh D cho chị Lan A nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh D có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lan A không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

* Về tài sản chung, nhà ở và công nợ chung: Chị Lan A xác nhận chị và anh D không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp anh D có tranh chấp với chị Lan A về những vấn đề này thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ở vụ án

khác.

* Về án phí: Chị Nguyễn Lan A phải chịu 300.000đồng án phí LHST theo quy định tại khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, điều 273 bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 luật hôn nhân gia đình;

- Khoản 1 Điều 28 và các điều 35, 147, 207, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Lan A được ly hôn với anh Nguyễn Tiến D

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Lan A nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh D với chị Lan A là cháu Nguyễn Khánh L sinh ngày 06/6/2018. Anh D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị Lan A không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nhà ở và công nợ chung: Chị Lan A xác nhận anh chị không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Trường hợp anh D có tranh chấp về tài sản chung, nhà ở và công nợ chung với chị Lan A thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Lan A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Lan A đã nộp tại biên lai số AA/2017/0006302 ngày 15/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội. Chị Lan A đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Lan A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Tiến D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA